

Bản án số: **09** /2017/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Ông Nguyễn Văn Kịch

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Xuân Mai**, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2016/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Khuru Thu C**, địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* **Trương H**, địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Khuru Thu C trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Trương H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 02 con chung là Trương Hoàng A sinh năm 1989 và Trương Thái Đ sinh năm 1993. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn; ông H không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nay bà C xin được ly hôn ông H; về con chung hiện nay tất cả hai cháu đều trưởng thành đang sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2017, bị đơn là ông Trương H trình bày:

Ông H thừa nhận phần trình bày của bà C về mối quan hệ hôn nhân, con chung của hai người là đúng. Ông H cho biết ông và bà C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, hiện nay giữa hai người cũng có nhiều mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm, các con chung thì cũng đã lớn và trưởng thành đang sống tự lập, nên việc bà C yêu cầu xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về tài sản chung thì cũng có nhưng ông và bà C sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung thì không có.

Ý kiến của Viện Kiểm sát:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà C và ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Xét về quan hệ hôn nhân, giữa bà Khuu Thu C và ông Trương H thuộc trường hợp nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên về nguyên tắc không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân này là không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn; chỉ xem xét giải quyết các tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung nếu có, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Theo quy định này và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] Về con chung: Bà C và ông H có 02 con chung nhưng tất cả đều trưởng thành đang sống tự lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14; 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khuru Thu C và ông Trương H.

- *Về con chung:* Tất cả đã trưởng thành đang sống tự lập, các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Khuru Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004081, ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu